

Số: 195-25/QĐ-DSG-ĐT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, liên thông đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Căn cứ Quyết định số 57/2004/QĐ-TTg ngày 06/04/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Dân lập Kỹ nghệ Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 52/2005/QĐ-TTg ngày 16/03/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Dân lập Kỹ nghệ Tp. Hồ Chí Minh thành Trường Đại học Dân lập Công nghệ Sài Gòn;

Căn cứ Quyết định số 284/QĐ-TTg ngày 06/04/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đổi Trường Đại học dân lập Công nghệ Sài Gòn sang loại hình trường đại học tư thục;

Căn cứ Quyết định số 150/QĐ-DSG-HĐT ngày 13/07/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn về việc Công nhận Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn nhiệm kỳ 2024 - 2029;

Căn cứ Quyết định số 18/2017/QĐ-TTg ngày 31/05/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định về liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành giáo dục mầm non;

Căn cứ Thông tư số 06/2025/TT-BGDĐT ngày 19/03/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Quy chế tuyển sinh đại học, liên thông đại học của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.

Điều 2. Quy chế này áp dụng kể từ khóa tuyển sinh năm 2025.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 119-23/QĐ-DSG-ĐT ngày 01/03/2023 của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, liên thông đại học.

Điều 4. Các đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Lưu P. HC-NS-PC;
- Lưu: P.ĐT, HV (5).

HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Cao Hào Thi

QUY CHẾ
TUYỂN SINH ĐẠI HỌC, LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC
Ban hành kèm theo Quyết định số 195-25/QĐ-DSG-ĐT ngày 26/03/2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn

Chương 1. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Căn cứ xây dựng quy chế, phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1.1. Quy chế tuyển sinh trình độ đại học, liên thông đại học được xây dựng dựa trên cơ sở:

- (1) Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/06/2019 của Quốc hội, có hiệu lực kể từ ngày 01/07/2020 (sau đây gọi là Luật Giáo dục);
- (2) Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18/06/2012 của Quốc hội; Nghị định 141/2013/NĐ-CP ngày 24/10/2013 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục đại học (sau đây gọi là Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13);
- (3) Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học, có hiệu lực kể từ ngày 01/07/2019 (sau đây gọi là Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14);
- (4) Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học (sau đây gọi là Nghị định số 99/2019/NĐ-CP);
- (5) Quyết định số 18/2017/QĐ-TTg ngày 31/05/2017 của Chính phủ về việc quy định về liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học (sau đây gọi là Quyết định số 18/2017/QĐ-TTg);
- (6) Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành giáo dục mầm non (sau đây gọi là Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT).
- (7) Thông tư số 06/2025/TT-BGDĐT ngày 19/03/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi là Thông tư số 06/2025/TT-BGDĐT)

1.2. Quy chế này quy định những nguyên tắc, yêu cầu, tiêu chuẩn, quy trình, quyền hạn và trách nhiệm của các bên liên quan trong công tác tuyển sinh đại học và tuyển sinh liên thông đại học cho các hình thức đào tạo; quy định cụ thể về tổ chức thi phục vụ tuyển sinh, xét tuyển đào tạo hình thức chính quy.

1.3. Quy chế này áp dụng đối với các đơn vị, cá nhân có liên quan tại Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn; trong đó, quy định rõ trách nhiệm của từng đơn vị, cá nhân và chế tài xử lý khi để xảy ra vi phạm.

1.4. Quy chế có hiệu lực thi hành kể từ khi Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn ký quyết định ban hành.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Thực hiện theo Điều 2 Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT và Thông tư số 06/2025/TT-BGDĐT và theo quy định của trường.

2.1. Trường và nhà trường ghi trong quy chế này được hiểu là Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.

2.2. Các từ rút gọn – viết tắt và diễn giải

Nội dung	Viết tắt
Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ GDĐT
Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở GDĐT
Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội	Bộ LĐ-TB&XH
Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Sở LĐ-TB&XH
Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ VH, TT&DL
Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GDĐT	HTTS Bộ GDĐT
Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT	Cổng TTTS Bộ GDĐT
Cổng Dịch vụ công quốc gia	Cổng DV công QG
Ủy ban Nhân dân	UBND
Saigon Technology University	STU
Mã tuyển sinh của trường	DSG
Ban Đảm bảo và Kiểm định Chất lượng giáo dục	B.ĐB&KĐCLGD
Ban Thanh tra Giáo dục	B.TTGD
Phòng Công tác Sinh viên	P.CTSV
Phòng Đào tạo	P.ĐT
Phòng Hành chính – Quản trị	P.HCQT
Phòng Kế hoạch Tài chính	P.KHTC
Phòng Quản lý Khoa học và Sau đại học	P.QLKH&SĐH
Ban Khoa học Cơ bản	B.KHCB
Khoa Cơ khí	K.CK
Khoa Điện – Điện tử	K.ĐĐT
Khoa Công nghệ Thông tin	K.CNTT
Khoa Công nghệ Thực phẩm	K.CNTP
Khoa Quản trị Kinh doanh	K.QTKD
Khoa Kỹ thuật Công trình	K.KTCT
Khoa Design	K.DESIGN
Hội đồng tuyển sinh	HĐTS
Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh	Ban TK HĐTS
Văn phòng tuyển sinh	VPTS
Trang thông tin điện tử của trường, website trường	Website STU
Cổng Thông tin đào tạo của trường	Cổng TT QLĐT STU
Cổng Thông tin tuyển sinh đại học của trường	Cổng TT TSĐH STU
Cổng Công khai Thông tin tuyển sinh của trường	Cổng Công khai TTTS
Hệ thống phần mềm hỗ trợ tuyển sinh của Trường	HTTS STU
Cao đẳng	CĐ

Nội dung	Viết tắt
Liên thông đại học	LT, LTĐH
Đại học	ĐH
Trung học phổ thông	THPT
Trung cấp chuyên nghiệp	TCCN
Trung cấp nghề	TC nghề
Cử nhân	CN
Kỹ sư	KS
Thạc sĩ	THS
Tiến sĩ	TS
Phó Giáo sư	PGS
Giáo sư	GS
Thành phố Hồ Chí Minh, hay Tp. Hồ Chí Minh	TP.HCM
Mức điểm ưu tiên = Điểm ưu tiên	ĐUT, DUT; Điểm UT
Điểm ưu tiên đối tượng	ĐUT_ĐT; DTC_DT
Điểm ưu tiên khu vực	ĐUT_KV; DTC_KV
Điểm tổng xét không ưu tiên (chưa cộng điểm, chưa tính điểm ưu tiên)	ĐTC_KoUT; DTC_KoUT
Điểm tổng xét có ưu tiên (đã cộng điểm, đã tính điểm ưu tiên)	ĐTC_CoUT; DTC_CoUT
Điểm môn 01	ĐM_01; DM1
Điểm môn 02	ĐM_02; DM2
Điểm môn 03	ĐM_03; DM3
Điểm môn 04	ĐM_04; DM4
Điểm tổng cộng	ĐTC; DTC
Đánh giá năng lực	ĐGNL; DGNL
Đại học Quốc gia	ĐHQG; DHQG
Đăng ký xét tuyển	ĐKXT

2.3. Trong văn bản này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- (1) Phạm vi tuyển sinh là các chương trình, ngành, nhóm ngành và hình thức đào tạo được tổ chức tuyển sinh trong một đợt, hoặc theo một phương thức tuyển sinh nhất định. Phạm vi tuyển sinh quy định trong quy chế này là Tuyển sinh đại học chính quy, vừa làm vừa học; tuyển sinh liên thông đại học chính quy, vừa làm vừa học đối với tất cả các ngành đào tạo được phép mở ngành trong từng đợt, từng phương thức tuyển sinh cụ thể.
- (2) Dự tuyển là việc một thí sinh tham dự quy trình tuyển sinh vào một chương trình đào tạo hoặc một ngành đào tạo của trường, thông qua việc đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung và đăng ký dự thi, đăng ký xét tuyển theo quy định của trường (nếu có).
- (3) Xét tuyển là quy trình xử lý riêng tại trường (hoặc xử lý chung theo nhóm trường) để xác định điều kiện trúng tuyển và lập danh sách thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển vào một chương trình đào tạo, ngành đào tạo, căn cứ các tiêu chí xét tuyển do trường xác định.
- (4) Xử lý nguyện vọng là quy trình xử lý trên hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung để xác định nguyện vọng cao nhất trong số nguyện vọng mà thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển, trên cơ sở đó lập danh sách thí sinh trúng tuyển.

- (5) Ngưỡng đầu vào (hay ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào) là yêu cầu tối thiểu về năng lực học tập thể hiện ở kết quả học tập, kết quả thi, đánh giá để thí sinh có khả năng theo học và hoàn thành chương trình đào tạo.
- (6) Xét tuyển thẳng là việc công nhận trúng tuyển đối với những đối tượng thí sinh theo quy định hiện hành và đáp ứng yêu cầu về điều kiện dự tuyển nhưng không cần xét tới ngưỡng đầu vào.
- (7) Tiêu chí đánh giá là những yếu tố được dùng trong kỳ thi, kiểm tra, đánh giá năng lực của thí sinh nhằm phân loại thí sinh theo mức độ đáp ứng yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo.
- (8) Tiêu chí xét tuyển là những yếu tố được dùng để xác định điều kiện trúng tuyển của thí sinh, chủ yếu dựa trên thành tích học tập hoặc kết quả thi, đánh giá thí sinh; thông thường được quy thành điểm số để xét tuyển (điểm xét) trong đó có tính cả các điểm ưu tiên.
- (9) Tổ hợp xét tuyển được hiểu là tổ hợp môn xét tuyển kết quả điểm thi THPT, kết quả học tập cấp THPT hoặc các thông tin khác do trường tự khai báo.
- (10) Điểm trúng tuyển (của một nhóm ngành, một ngành, một chương trình đào tạo) là ngưỡng điểm mà những thí sinh (đã đăng ký nguyện vọng vào ngành, chương trình đào tạo đó) có điểm xét bằng hoặc cao hơn sẽ đủ điều kiện trúng tuyển.
- (11) Điểm ưu tiên là số điểm chênh lệch giữa mức điểm trúng tuyển áp dụng cho nhóm thí sinh được ưu tiên so với mức điểm trúng tuyển bình thường; hay cũng chính là số điểm mà nhóm thí sinh được cộng vào điểm xét để áp dụng mức điểm trúng tuyển bình thường.
- (12) Điểm xét tuyển
 - (a) ĐTC_KoUT Điểm tổng xét không ưu tiên (chưa cộng điểm, chưa tính điểm ưu tiên) Điểm số để xét tuyển được tính từ kết quả học tập, kết quả thi, đánh giá của thí sinh theo phương thức và tổ hợp xét tuyển; điểm này chưa cộng, chưa tính điểm ưu tiên.
 - (b) ĐTC_CoUT Điểm tổng xét có ưu tiên (đã cộng, đã tính điểm ưu tiên theo quy định) Điểm số để xét tuyển được tính từ kết quả học tập, kết quả thi, đánh giá của thí sinh theo phương thức, tổ hợp xét tuyển; điểm này đã cộng, đã tính điểm ưu tiên.
- (13) Kỳ thi tuyển sinh là kỳ thi được tổ chức gắn với quy trình xét tuyển, lấy kết quả thi làm căn cứ duy nhất hoặc căn cứ chủ yếu phục vụ xét tuyển.
- (14) Kỳ thi độc lập là kỳ thi được tổ chức độc lập với quy trình xét tuyển, lấy kết quả thi làm căn cứ ở các mức độ khác nhau phục vụ xét tuyển.
- (15) Kỳ thi bổ trợ là kỳ thi được tổ chức bổ sung cho phương thức tuyển sinh (như thi năng khiếu, thi tài năng, phỏng vấn) để lấy kết quả làm một căn cứ, một tiêu chí phục vụ xét tuyển.
- (16) Thi trực tiếp là hình thức tổ chức thi có người coi thi trực tiếp; thí sinh làm bài trên giấy hoặc trên máy tính, thiết bị nối mạng hoặc trả lời phỏng vấn trước hội đồng.
- (17) Thi trực tuyến là hình thức tổ chức thi có người coi thi trực tuyến và giám sát bằng công nghệ; thí sinh làm bài trên máy tính, thiết bị nối mạng hoặc trả lời phỏng vấn qua mạng.
- (18) Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GDĐT là hệ thống phần mềm hỗ trợ đăng ký nguyện vọng xét tuyển, trao đổi dữ liệu xét tuyển, xử lý nguyện vọng và quản lý dữ liệu trúng tuyển, nhập học của các cơ sở đào tạo (viết tắt là HTTS Bộ GDĐT)
- (19) Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT là giao diện web của hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GDĐT (viết tắt là Cổng TTTS Bộ GDĐT)
- (20) Mã trường trong tuyển sinh là một mã quy ước thống nhất toàn quốc dùng để định danh một cơ sở đào tạo, một phân hiệu hoặc một đơn vị đào tạo thuộc, trực thuộc cơ sở đào tạo có chỉ tiêu tuyển sinh riêng. Mã trường đăng ký tuyển sinh của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn là **DSG**.

- (21) Mã xét tuyển là một mã quy ước thống nhất trong một cơ sở đào tạo, phân hiệu hoặc một đơn vị đào tạo thuộc, trực thuộc cơ sở đào tạo dùng để định danh một chương trình, ngành, nhóm ngành đào tạo có chỉ tiêu tuyển sinh riêng thuộc một mã trường.
- (22) Quy đổi tương đương là việc quy đổi ngưỡng đầu vào, điểm trúng tuyển giữa các phương thức tuyển sinh, tổ hợp xét tuyển của một mã xét tuyển theo một quy tắc do cơ sở đào tạo quy định, bảo đảm tương đương về mức độ đáp ứng yêu cầu đầu vào của chương trình, ngành, nhóm ngành đào tạo tương ứng.
- (23) Cổng Thông tin tuyển sinh đại học của Trường là giao diện web của Hệ thống phần mềm hỗ trợ công tác tuyển sinh, đăng ký xét tuyển vào trường (viết tắt là Cổng TT TSDH STU)
- (a) Công bố thông tin về Thông tin tuyển sinh;
 - (b) Thông báo tuyển sinh; ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào (điểm sàn); quy trình xét tuyển; lịch tuyển sinh;
 - (c) Đăng ký xét tuyển;
 - (d) Công bố kết quả xét tuyển; quyết định điểm chuẩn;
 - (e) Thông báo trúng tuyển; tra cứu kết quả xét tuyển;
 - (f) Hướng dẫn thí sinh làm thủ tục trúng tuyển và nhập học; kế hoạch khai giảng khóa mới;
 - (g) Thông báo về học phí, học bổng, bảo hiểm y tế; thông báo về chính sách ưu tiên trong tuyển sinh; thông báo và hướng dẫn thủ tục đăng ký lưu trú ký túc xá;
 - (h) Các biểu mẫu và bảng biểu sử dụng trong xét tuyển, nhập học;
 - (i) Ngoài ra, Cổng TT TSDH STU còn cung cấp một số thông tin khác liên quan đến công tác tuyển sinh theo quy định.
- (24) Cổng Công khai Thông tin tuyển sinh của trường (viết tắt là Cổng Công khai TTTS) là giao diện web được sử dụng để công khai thông tin liên quan đến Thông tin tuyển sinh hàng năm:
- (a) Thông tin về danh mục ngành đào tạo; quyết định cho phép mở ngành đào tạo;
 - (b) Các điều kiện đảm bảo chất lượng: Kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục, kiểm định chất lượng chương trình đào tạo; quy mô đào tạo; cơ sở vật chất trang thiết bị; đội ngũ cán bộ, giảng viên cơ hữu, thỉnh giảng;
 - (c) Tình hình việc làm của người học tốt nghiệp sau thời gian 01 năm;
 - (d) Thông tin tuyển sinh của trường trong 02 năm liền kề gần nhất;
 - (e) Và, một số thông tin công khai khác theo quy định.
- (25) Hệ thống phần mềm hỗ trợ tuyển sinh của Trường:
- (a) Nhập hồ sơ đăng ký xét tuyển;
 - (b) Xét tuyển, xét trúng tuyển, gọi trúng tuyển, in giấy báo kết quả;
 - (c) Xuất danh sách thí sinh xét tuyển, trúng tuyển;
 - (d) Tiếp sinh, đánh dấu thí sinh nộp hồ sơ nhập học, in biên lai hồ sơ nhập học; lập danh sách thiếu hồ sơ cần bổ sung;

Điều 3. Yêu cầu chung trong tuyển sinh

Thực hiện theo Điều 3 Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT và Thông tư số 06/2025/TT-BGDĐT.

- 3.1. Trường thực hiện quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình về công tác tuyển sinh, bảo đảm đúng quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

3.2. Trường thực hiện tất cả biện pháp cần thiết nhằm tạo điều kiện thuận lợi và cơ hội bình đẳng cho mọi thí sinh; tuyển chọn được những thí sinh có nguyện vọng và năng lực phù hợp nhất với yêu cầu của chương trình và ngành đào tạo.

3.3. Các cơ sở đào tạo, Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn phối hợp chặt chẽ dưới sự hỗ trợ, giám sát của Bộ GDĐT nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và liên thông trong hệ thống; giúp nâng cao chất lượng, hiệu quả tuyển sinh của mỗi cơ sở đào tạo và của toàn hệ thống, đồng thời tác động tích cực tới việc dạy và học ở giáo dục phổ thông.

Điều 4. Nguyên tắc cơ bản trong tuyển sinh

Thực hiện theo Điều 4 Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT và Thông tư số 06/2025/TT-BGDĐT.

4.1. Công bằng đối với thí sinh

- (1) Về cung cấp thông tin: Mỗi thí sinh quan tâm được cung cấp thông tin đầy đủ, rõ ràng, tin cậy, nhất quán và kịp thời để có quyết định phù hợp và chuẩn bị tốt nhất cho việc tham gia tuyển sinh.
- (2) Về cơ hội dự tuyển: Không thí sinh nào bị mất cơ hội dự tuyển do những quy định không liên quan tới trình độ, năng lực (trừ những quy định của Bộ Công an và Bộ Quốc phòng mang tính đặc thù trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh); hoặc, do quy trình tuyển sinh gây phiền hà, tốn kém.
- (3) Về đánh giá năng lực: Thí sinh phải được đánh giá khách quan, công bằng và tin cậy về khả năng học tập và triển vọng thành công, đáp ứng yêu cầu của chương trình và ngành đào tạo;
- (4) Về cơ hội trúng tuyển: Thí sinh phải được tạo cơ hội trúng tuyển cao nhất và quyền xác định nguyện vọng ưu tiên trong số những chương trình, ngành đào tạo đủ điều kiện trúng tuyển;
- (5) Về thực hiện cam kết: Nhà trường thực hiện các cam kết đối với thí sinh; tư vấn, hỗ trợ và giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro.

4.2. Bình đẳng giữa nhà trường và các cơ sở đào tạo khác

- (1) Về hợp tác: Trường và các cơ sở đào tạo hợp tác bình đẳng nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả tuyển sinh, đồng thời mang lại lợi ích tốt nhất cho thí sinh;
- (2) Về cạnh tranh: Trường và các cơ sở đào tạo khác cạnh tranh trung thực, công bằng và lành mạnh trong tuyển sinh theo quy định của pháp luật về cạnh tranh.

4.3. Minh bạch đối với xã hội

- (1) Về minh bạch thông tin: Trường thực hiện công tác tuyển sinh có trách nhiệm công bố thông tin tuyển sinh đầy đủ, rõ ràng và kịp thời qua các phương tiện truyền thông phù hợp để xã hội và cơ quan quản lý nhà nước cùng giám sát;
- (2) Về trách nhiệm giải trình: Trường có trách nhiệm báo cáo theo yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước và giải trình với xã hội qua hình thức phù hợp về những vấn đề lớn, gây bức xúc cho người dân.

Điều 5. Nguyên tắc cơ bản trong tuyển sinh

Thực hiện theo Điều 5 Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT và Thông tư số 06/2025/TT-BGDĐT.

5.1. Đối tượng dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển (trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức), bao gồm:

- (1) Đối với tuyển sinh đại học:
 - (a) Người đã được công nhận tốt nghiệp THPT của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương.

- (b) Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.
- (2) Đối với tuyển sinh liên thông đại học:
- (a) Người đã được công nhận tốt nghiệp THPT của Việt Nam (hoặc tương đương) và tốt nghiệp cao đẳng đúng ngành, ngành gần hoặc ngành tương đương ngành đăng ký học liên thông đại học.
- (b) Một số trường hợp người học phải học bổ sung, chuyển đổi, hoàn chỉnh kiến thức trình độ đại học. Khối lượng học tập bổ sung, chuyển đổi của người học do Hội đồng Đào tạo liên thông đại học của trường quyết định trên cơ sở xem xét, so sánh hồ sơ học tập cao đẳng của người học và chương trình đào tạo đại học. Khối lượng học tập bổ sung, chuyển đổi được thông báo cho người học vào đầu học kỳ đầu tiên của khóa học.
- 5.2. Đối tượng dự tuyển quy định tại Khoản 5.1 Điều này phải đáp ứng các điều kiện sau:
- (1) Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định tại Điều 9 quy chế này;
- (2) Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
- (3) Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.
- 5.3. Đối với một chương trình đào tạo hoặc một ngành đào tạo áp dụng đồng thời nhiều phương thức tuyển sinh, nhà trường quy định cụ thể về đối tượng, điều kiện dự tuyển cho mỗi phương thức tuyển sinh phải tuân thủ nguyên tắc quy định tại Khoản 4.1 Điều 4 quy chế này.
- 5.4. Đối với thí sinh khuyết tật bị suy giảm khả năng học tập, nhà trường thực hiện các biện pháp cần thiết và tạo điều kiện tốt nhất để thí sinh có nguyện vọng được đăng ký dự tuyển và theo học các ngành phù hợp với điều kiện sức khỏe của thí sinh.

Điều 6. Phương thức tuyển sinh

Thực hiện theo Điều 6 Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT và Thông tư số 06/2025/TT-BGDĐT

- 6.1. Nhà trường quyết định một hoặc một số phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp giữa thi tuyển với xét tuyển), áp dụng chung cho cả trường hoặc áp dụng riêng cho một số chương trình, ngành, nhóm ngành đào tạo. Một chương trình, ngành, nhóm ngành đào tạo có thể sử dụng đồng thời một số phương thức tuyển sinh.
- 6.2. Mỗi phương thức tuyển sinh phải quy định rõ các tiêu chí đánh giá, xét tuyển, cách thức tính điểm xét và xác định điều kiện trúng tuyển, trong đó:
- (1) Các tiêu chí chủ yếu dùng để đánh giá, xét tuyển phải dựa trên yêu cầu về kiến thức nền tảng và năng lực cốt lõi mà thí sinh cần có để theo học chương trình, ngành, nhóm ngành đào tạo;
- (2) Tổng điểm cộng, điểm thưởng, điểm khuyến khích (gọi chung là điểm cộng) đối với thí sinh có thành tích đặc biệt, thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ không vượt quá 10% mức điểm tối đa của thang điểm xét (tối đa 03 điểm đối với thang điểm 30);
- (3) Mỗi thí sinh đều có cơ hội đạt mức điểm tối đa của thang điểm xét, nhưng không thí sinh nào có điểm xét (tính cả các loại điểm cộng, điểm ưu tiên) vượt quá mức điểm tối đa này.
- 6.3. Đối với phương thức tuyển sinh dựa trên kết quả học tập, kết quả thi theo từng môn (điểm tổng kết các môn học cấp THPT, điểm thi các môn tốt nghiệp THPT và các kết quả đánh giá khác):
- (1) Tổ hợp môn dùng để xét tuyển bao gồm ít nhất 03 môn phù hợp với đặc điểm, yêu cầu của chương trình đào tạo, trong đó phải có môn toán hoặc ngữ văn với trọng số tính điểm xét

không dưới 25%; từ năm 2026 số môn chung của các tổ hợp phải đóng góp ít nhất 50% trọng số tính điểm xét;

- (2) Đối với các chứng chỉ ngoại ngữ được dùng để miễn thi tốt nghiệp THPT theo quy định tại Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông hiện hành, cơ sở đào tạo được quy đổi thành điểm môn ngoại ngữ để đưa vào tổ hợp môn xét tuyển với trọng số tính điểm xét không vượt quá 50%;
- (3) Trường hợp sử dụng kết quả học tập cấp THPT để xét tuyển thì phải dùng kết quả học tập cả năm lớp 12 của thí sinh với trọng số tính điểm xét không dưới 25%.

6.4. Đối với một chương trình, ngành, nhóm ngành đào tạo có nhiều phương thức tuyển sinh hoặc tổ hợp xét tuyển:

- (1) Nhà trường phải xác định quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển của các phương thức tuyển sinh, phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển theo hướng dẫn thống nhất của Bộ GDĐT; bảo đảm tuyển chọn được các thí sinh đáp ứng tốt nhất yêu cầu đầu vào của chương trình, ngành, nhóm ngành đào tạo;
- (2) Không quy định mã xét tuyển riêng, chỉ tiêu riêng cho từng phương thức xét tuyển hoặc tổ hợp xét tuyển, trừ việc quy định chỉ tiêu xét tuyển thẳng theo quy định tại Quy chế này.

6.5. Nhà trường chịu trách nhiệm giải trình về căn cứ khoa học và thực tiễn trong xác định phương thức tuyển sinh, phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển, quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ thành điểm môn ngoại ngữ và quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển; trong đó phải dựa trên số liệu phân tích, đánh giá và đối sánh kết quả học tập của sinh viên trúng tuyển các năm trước.

6.6. Kết thúc năm tuyển sinh, Phòng Đào tạo tổng hợp kết quả tuyển sinh, thống kê số lượng hồ sơ đăng ký xét tuyển, trúng tuyển và nhập học theo phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển; theo chương trình và ngành đào tạo; từ đó lựa chọn, dự kiến, đề xuất phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển cho năm tuyển sinh sắp tới.

6.7. Trong giai đoạn gần sắp tới, nhà trường ưu tiên sử dụng phương thức xét tuyển đối với tuyển sinh đại học và liên thông đại học. Trường hợp trường tổ chức thi tuyển sinh thì cần chuẩn bị và thông báo trước tối thiểu 03 tháng (90 ngày) trước thời hạn đăng ký dự tuyển. Nhà trường phải xây dựng và ban hành quy chế thi tuyển sinh và đề án tổ chức thi. Việc tổ chức thi phải tuân thủ các quy định của Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT và của Trường.

Điều 7. Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh

Thực hiện theo Điều 7 Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT và Thông tư số 06/2025/TT-BGDĐT.

7.1. Ưu tiên theo khu vực (chi tiết theo Mục 5 Khoản 7.1 của quy chế này)

- (1) Phân chia khu vực tuyển sinh: (chi tiết trong tự điển tuyển sinh được cập nhật hàng năm theo quy định hiện hành)

Khu vực	Mô tả khu vực và điều kiện
Khu vực 1	Các xã khu vực I, II, III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 theo quy định của Thủ tướng Chính phủ
Khu vực 2 nông thôn	Các địa phương không thuộc KV1, KV2, KV3.
Khu vực 2	Các thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh; các thị xã, huyện ngoại thành của thành phố trực thuộc Trung ương (trừ các xã thuộc KV1).
Khu vực 3	Các quận nội thành của thành phố trực thuộc trung ương.

- (2) Mức điểm ưu tiên áp dụng cho từng khu vực cụ thể như sau:

Khu vực	Khu vực 1	Khu vực 2 nông thôn	Khu vực 2	Khu vực 3 (*)
Viết tắt	KV1	KV2NT	KV2	KV3
Mức điểm ưu tiên ĐUT_KV	0,75 điểm	0,50 điểm	0,25 điểm	0,00 điểm

(*) Khu vực 3 không được ưu tiên

- (3) Khu vực tuyển sinh của mỗi thí sinh được xác định theo địa điểm trường mà thí sinh đã học lâu nhất trong thời gian học cấp THPT (hoặc trung cấp); nếu thời gian học (dài nhất) tại các khu vực tương đương nhau thì xác định theo khu vực của trường mà thí sinh theo học sau cùng;
- (4) Các trường hợp sau đây được hưởng ưu tiên khu vực theo nơi thường trú:
 - (a) Học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú được hưởng các chế độ ưu tiên, ưu đãi của nhà nước theo quy định;
 - (b) Học sinh có nơi thường trú (trong thời gian học cấp THPT hoặc trung cấp) trên 18 tháng tại các xã khu vực III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Thủ tướng Chính phủ; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 theo Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 31/07/1998 của Thủ tướng Chính phủ; các thôn, xã đặc biệt khó khăn tại các địa bàn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ nếu học cấp THPT (hoặc trung cấp) tại địa điểm thuộc huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh có ít nhất một trong các xã thuộc diện đặc biệt khó khăn.
 - (c) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong công an nhân dân được cử đi dự tuyển, nếu đóng quân từ 18 tháng trở lên tại khu vực nào thì hưởng ưu tiên theo khu vực đó hoặc theo nơi thường trú trước khi nhập ngũ, tùy theo khu vực nào có mức ưu tiên cao hơn; nếu đóng quân từ 18 tháng trở lên tại các khu vực có mức ưu tiên khác nhau thì hưởng ưu tiên theo khu vực có thời gian đóng quân dài hơn; nếu dưới 18 tháng thì hưởng ưu tiên khu vực theo nơi thường trú trước khi nhập ngũ;
- (5) Thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp) và một năm kế tiếp. Ví dụ: Đối với tuyển sinh năm 2023, thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực khi tốt nghiệp THPT (hoặc, trung cấp) năm 2022 và 2023.

7.2. Ưu tiên theo đối tượng chính sách

(1) Đối tượng chính sách ưu tiên:

Đối tượng	Mô tả đối tượng, điều kiện
01	Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có nơi thường trú trong thời gian học THPT hoặc trung cấp trên 18 tháng tại khu vực 1.
02	Công nhân trực tiếp sản xuất đã làm việc liên tục 05 năm trở lên, trong đó có ít nhất 02 năm là chiến sĩ thì đưa được cấp tinh trở lên công nhận và cấp bằng khen.
03	a) Thương binh, bệnh binh, người có "Giấy chứng nhận người được hưởng chính sách như thương binh; b) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 12 tháng trở lên tại khu vực 1; c) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 18 tháng trở lên; d) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong công an nhân dân đã xuất ngũ, được công nhận hoàn thành nghĩa vụ phục vụ tại ngũ theo quy định.
04	a) Thân nhân liệt sĩ; b) Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy

Đối tượng	Mô tả đối tượng, điều kiện
	giảm khả năng lao động từ 81% trở lên;
	c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên;
	d) Con của anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; con của anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến;
	đ) Con của người hoạt động kháng chiến bị dị dạng, dị tật do hậu quả của chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng.
05	a) Thanh niên xung phong tập trung được cử đi học;
	b) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ dưới 12 tháng ở Khu vực 1 và dưới 18 tháng ở khu vực khác;
	c) Chỉ huy trưởng, chỉ huy phó ban chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn; Thôn đội trưởng, Trung đội trưởng Dân quân tự vệ nông cốt, Dân quân tự vệ đã hoàn thành nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ nông cốt từ 12 tháng trở lên, dự thi vào ngành Quân sự cơ sở. Thời hạn tối đa được hưởng ưu tiên là 18 tháng kể từ ngày ký quyết định xuất ngũ đến ngày đăng ký xét tuyển.
06	a) Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có nơi thường trú ở ngoài khu vực đã quy định thuộc đối tượng 01;
	b) Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%;
	c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động dưới 81%.
07	a) Người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định hiện hành;
	b) Người lao động ưu tú thuộc tất cả thành phần kinh tế từ cấp tỉnh, cấp bộ trở lên được công nhận danh hiệu thợ giỏi, nghệ nhân, được cấp bằng hoặc huy hiệu Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hoặc Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;
	c) Giáo viên đã giảng dạy đủ 03 năm trở lên dự tuyển vào các ngành đào tạo giáo viên;
	d) Y tá, dược tá, hộ lý, y sĩ, điều dưỡng viên, hộ sinh viên, kỹ thuật viên, người có bằng trung cấp Được đã công tác đủ 03 năm trở lên dự tuyển vào đúng ngành tốt nghiệp thuộc lĩnh vực sức khỏe.

- (2) Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng ưu tiên 1 (gồm các đối tượng 01 đến 04) là 2,0 điểm và cho nhóm đối tượng ưu tiên 2 (gồm các đối tượng 05 đến 07) là 1,0 điểm;

Nhóm đối tượng	Nhóm đối tượng ưu tiên 1				Nhóm đối tượng ưu tiên 2		
Đối tượng	ĐT01	ĐT02	ĐT03	ĐT04	ĐT05	ĐT06	ĐT07
Mức điểm ưu tiên ĐUT_ĐT	2,0 điểm	2,0 điểm	2,0 điểm	2,0 điểm	1,0 điểm	1,0 điểm	1,0 điểm

- (3) Mức điểm ưu tiên cho những đối tượng chính sách khác (được quy định trong các văn bản pháp luật hiện hành) do Bộ trưởng Bộ GDĐT quyết định;
- (4) Thí sinh thuộc nhiều diện đối tượng chính sách quy định tại các Điểm 1, 2 Khoản 7.2 này chỉ được tính một mức điểm ưu tiên cao nhất.

7.3. Các mức điểm ưu tiên được quy định trong điều này tương ứng với tổng điểm 03 môn (trong tổ hợp môn xét tuyển) theo thang điểm 10 đối với từng bài thi/môn thi (không nhân hệ số); trường hợp phương thức tuyển sinh sử dụng thang điểm khác thì mức điểm ưu tiên được quy đổi tương đương.

Ví dụ: Trường hợp tính theo thang điểm 1200 của kỳ thi Đánh giá năng lực do Đại học Quốc Gia TP.HCM tổ chức, mức điểm ưu tiên theo khu vực sẽ là 10,0 điểm; mức điểm ưu tiên theo nhóm đối tượng sẽ là 40,0 điểm.

- (1) Công thức quy đổi mức điểm ưu tiên theo khu vực từ 0,25 điểm đối với thang điểm 30,0 (DTC_KoUT = 30 điểm) sang thang điểm xét tuyển mới (DTC_KoUT ≠ 30)

$$DUT_KV = \frac{0,25}{30,00} \times \text{Thang điểm mới}$$

- (2) Công thức quy đổi mức điểm ưu tiên theo nhóm đối tượng từ 1,0 điểm đối với thang điểm 30,0 (DTC_KoUT = 30 điểm) sang thang điểm xét tuyển mới (DTC_KoUT ≠ 30)

$$DUT_DT = \frac{1,0}{30,0} \times \text{Thang điểm mới}$$

7.4. Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức: Điểm ưu tiên = $[(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên quy định tại Khoản 7.1 và Khoản 7.2 Điều 7 quy chế này}$.

7.5. Công thức tính điểm ưu tiên, điểm tổng xét theo tổng điểm đạt được (theo Khoản 7.4 Điều 7 của quy chế này)

- (1) Trường hợp 01: DTC_KoUT < 22,5 ; mức 22,5 điểm khi quy đổi về điểm theo thang 10,0 và tổng điểm 03 môn tối đa là 30,0 điểm.

$$DUT = DUT_KV + DUT_DT$$

$$DTC_CoUT = DTC_KoUT + (DUT_KV + DUT_DT)$$

- (2) Trường hợp 02: DTC_KoUT ≥ 22,5 ; mức 22,5 điểm khi quy đổi về điểm theo thang 10,0 và tổng điểm 03 môn tối đa là 30,0 điểm.

$$DUT = \frac{30 - DTC_KoUT}{7,5} \times (DUT_KV + DUT_DT)$$

$$DTC_CoUT = DTC_KoUT + \frac{30 - DTC_KoUT}{7,5} \times (DUT_KV + DUT_DT)$$

Điều 8. Đối tượng xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển

Thực hiện theo Điều 8 Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT và Thông tư số 06/2025/TT-BGDĐT.

8.1. Anh hùng lao động, anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, chiến sĩ thi đua toàn quốc được tuyển thẳng vào các ngành, chương trình do cơ sở đào tạo quy định.

8.2. Thí sinh đạt thành tích cao trong các kỳ thi, cuộc thi, giải đấu cấp quốc gia hoặc quốc tế, do Bộ GDĐT, Bộ VH, TT&DL tổ chức, cử tham gia, được xét tuyển thẳng vào các ngành phù hợp với môn thi, nội dung đề tài hoặc nghề dự thi, thi đấu, đoạt giải; cụ thể trong các trường hợp sau:

- (1) Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế hoặc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia; thời gian đoạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng;
- (2) Thí sinh đoạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật quốc tế về ca, múa, nhạc, mỹ thuật được Bộ VH, TT&DL công nhận; thời gian đoạt giải không quá 04 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng;

- (3) Thí sinh tham gia đội tuyển quốc gia thi đấu tại các giải quốc tế chính thức được Bộ VH, TT&DL xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ, bao gồm: Giải vô địch thể giới, Cúp thể giới, Thế vận hội Olympic, Đại hội thể thao châu Á (ASIAD), Giải vô địch châu Á, Cúp châu Á, Giải vô địch Đông Nam Á, Đại hội thể thao Đông Nam Á (SEA Games), Cúp Đông Nam Á; thời gian đoạt giải không quá 04 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng;
 - (4) Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế do Bộ LĐ - TB&XH cử đi; thời gian đoạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng.
- 8.3. Thí sinh có bằng trung cấp ngành sư phạm loại giỏi trở lên, hoặc có bằng trung cấp ngành Sư phạm loại khá và có ít nhất 02 năm làm việc đúng ngành được xét tuyển thẳng vào ngành Giáo dục mầm non trình độ cao đẳng.
- 8.4. Hiệu trưởng, Hội đồng Tuyển sinh Trường căn cứ kết quả học tập cấp THPT của thí sinh và yêu cầu của ngành đào tạo để xem xét, quyết định nhận vào học những trường hợp quy định dưới đây (trường hợp cần thiết kèm theo điều kiện thí sinh phải học 01 năm bổ sung kiến thức trước khi vào học chính thức):
- (1) Thí sinh là người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định, có khả năng theo học một số ngành do cơ sở đào tạo quy định nhưng không có khả năng dự tuyển theo phương thức tuyển sinh bình thường;
 - (2) Thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ và thí sinh 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam Bộ;
 - (3) Thí sinh có nơi thường trú từ 03 năm trở lên, học 03 năm và tốt nghiệp THPT tại các huyện nghèo (học sinh học phổ thông dân tộc nội trú tính theo nơi thường trú) theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;
 - (4) Thí sinh là người nước ngoài phải đạt chuẩn năng lực ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình, ngành đào tạo phù hợp với quy định của Bộ GD&ĐT.
- 8.5. Căn cứ quy chế tuyển sinh hiện hành, nhà trường quy định hình thức ưu tiên xét tuyển khác đối với các trường hợp sau đây:
- (1) Thí sinh quy định tại Khoản 8.1 và Khoản 8.2 Điều này dự tuyển vào các ngành theo nguyện vọng (không dùng quyền ưu tiên tuyển thẳng);
 - (2) Thí sinh đoạt giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; thí sinh đoạt giải tư trong cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia dự tuyển vào ngành phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi đã đoạt giải; thời gian đoạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm xét tuyển;
 - (3) Thí sinh đoạt huy chương vàng, bạc, đồng các giải thể dục thể thao cấp quốc gia tổ chức một lần trong năm và thí sinh được Tổng cục Thể dục thể thao có quyết định công nhận là kiện tướng quốc gia dự tuyển vào các ngành thể dục thể thao phù hợp; thời gian đoạt giải không quá 04 năm tính tới thời điểm xét tuyển;
 - (4) Thí sinh đoạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật chuyên nghiệp chính thức toàn quốc về ca, múa, nhạc, mỹ thuật dự tuyển vào các ngành nghệ thuật phù hợp; thời gian đoạt giải không quá 04 năm tính tới thời điểm xét tuyển;
 - (5) Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba tại các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế dự tuyển vào các ngành phù hợp với nghề đã đoạt giải; thời gian đoạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm xét tuyển.
- 8.6. Nhà trường quy định cụ thể và công bố trong Thông tin tuyển sinh, kế hoạch tuyển sinh, đối tượng, chỉ tiêu, tiêu chí, phạm vi tuyển sinh, ngành, chương trình đào tạo để xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển.

Điều 9. Ngưỡng đầu vào các ngành đào tạo

Thực hiện theo Điều 9 Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT và Thông tư số 06/2025/TT-BGDĐT.

9.1. Ngưỡng đầu vào đối với ngành đào tạo giáo viên và ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe có cấp giấy phép hành nghề do Bộ GDĐT công bố hàng năm cho các phương thức tuyển sinh đào tạo hình thức chính quy sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT.

9.2. Đối với tuyển sinh đào tạo hình thức khác chính quy hoặc phương thức tuyển sinh không sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT, thí sinh đạt ngưỡng đầu vào đối với ngành đào tạo giáo viên và ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe có cấp giấy phép hành nghề khi:

- (1) Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên, trừ các trường hợp quy định tại Điểm 2 Khoản 9.2 Điều 9 này;
- (2) Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức khá (học lực xếp loại từ khá trở lên) hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên đối với các ngành Giáo dục thể chất và Huấn luyện thể thao, Sư phạm âm nhạc, Sư phạm mỹ thuật; ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng và các ngành Điều dưỡng, Y học dự phòng, Hộ sinh, Kỹ thuật phục hình răng, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Kỹ thuật hình ảnh y học, Kỹ thuật phục hồi chức năng.

9.3. Thí sinh là vận động viên cấp 1, kiện tướng, vận động viên đã từng đoạt huy chương tại Hội khỏe Phù Đổng, các giải trẻ quốc gia và quốc tế, thí sinh ngành sư phạm Âm nhạc, Mỹ thuật có điểm thi năng khiếu do cơ sở đào tạo tổ chức đạt loại xuất sắc (từ 9,0 trở lên theo thang điểm 10,0) khi đăng ký xét tuyển vào các ngành phù hợp không phải áp dụng ngưỡng đầu vào.

9.4. Đối với thí sinh đã tốt nghiệp trung cấp sư phạm dự tuyển vào cao đẳng ngành Giáo dục mầm non, cơ sở đào tạo quy định và chịu trách nhiệm giải trình về ngưỡng đầu vào.

9.5. Thí sinh đã tốt nghiệp trình độ trung cấp trở lên cùng nhóm ngành dự tuyển được áp dụng quy định ngưỡng đầu vào như sau:

- (1) Đối với thí sinh dự tuyển vào đại học nhóm ngành đào tạo giáo viên và ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe có cấp giấy phép hành nghề trừ các trường hợp quy định tại Điểm 2 Khoản 9.5 này, ngưỡng đầu vào được áp dụng một trong các tiêu chí sau:
 - (a) Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) hoặc điểm trung bình chung các môn văn hóa cấp THPT đạt từ 8,0 trở lên;
 - (b) Tốt nghiệp THPT loại giỏi trở lên hoặc kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức khá (học lực xếp loại khá) và có 03 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo;
 - (c) Tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học đạt loại giỏi trở lên;
 - (d) Tốt nghiệp trình độ trung cấp, hoặc trình độ cao đẳng hoặc trình độ đại học đạt loại khá và có 03 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo.
- (2) Đối với thí sinh dự tuyển vào đại học các ngành Điều dưỡng, Y học dự phòng, Hộ sinh, Kỹ thuật phục hình răng, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Kỹ thuật hình ảnh y học, Kỹ thuật phục hồi chức năng, Sư phạm âm nhạc, Sư phạm mỹ thuật, Giáo dục thể chất, Huấn luyện thể thao, ngưỡng đầu vào được áp dụng một trong các tiêu chí sau:
 - (a) Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức khá (học lực xếp loại khá) hoặc điểm trung bình chung các môn văn hóa cấp THPT đạt từ 6,5 trở lên;
 - (b) Tốt nghiệp THPT loại khá, hoặc có kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức đạt (học lực xếp loại trung bình) và có 05 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo;
 - (c) Tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, trình độ đại học đạt loại khá trở lên.

9.6. Đối với người đã trúng tuyển hoặc đã tốt nghiệp các ngành đào tạo giáo viên trước ngày 07/05/2020 nếu dự tuyển vào học đại học để đạt trình độ chuẩn theo quy định tại Điều 72 Luật Giáo dục năm 2019, ngưỡng đầu vào do cơ sở đào tạo quy định.

9.7. Căn cứ yêu cầu bảo đảm chất lượng, cơ sở đào tạo xác định và công bố ngưỡng đầu vào cho các ngành, nhóm ngành và phương thức tuyển sinh trước thời gian kết thúc đăng ký dự tuyển ít nhất 10 ngày. Đối với ngưỡng đầu vào ngành đào tạo giáo viên và ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe có cấp chứng chỉ hành nghề, ngưỡng đầu vào do cơ sở đào tạo xác định không được thấp hơn quy định tại Khoản 9.1; Khoản 9.2; và Khoản 9.5 Điều 9 này.

Điều 10. Bảo lưu kết quả trúng tuyển

Thực hiện theo Điều 10 Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT và Thông tư số 06/2025/TT-BGDĐT.

10.1. Thí sinh đã có giấy báo trúng tuyển được bảo lưu kết quả trúng tuyển trong những trường hợp sau:

- (1) Đi nghĩa vụ quân sự hoặc đi thanh niên xung phong tập trung ngay trong năm trúng tuyển theo quyết định hoặc lệnh của cơ quan có thẩm quyền;
- (2) Bị bệnh nặng hoặc bị tai nạn nghiêm trọng không thể nhập học đúng hạn, có hồ sơ y tế và xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền.

10.2. Thí sinh thuộc diện quy định tại Khoản 10.1 phải gửi đơn xin bảo lưu kèm theo giấy tờ minh chứng tới cơ sở đào tạo gọi nhập học. Thời gian tối đa được bảo lưu kết quả do cơ sở đào tạo quy định, nhưng không ít hơn 03 năm đối với người quy định tại Điểm 1 Khoản 10.1 Điều này.

10.3. Ngay sau khi đủ điều kiện đi học trở lại, người được bảo lưu kết quả trúng tuyển phải thực hiện các thủ tục nhập học theo quy định của cơ sở đào tạo, trong đó phải cung cấp minh chứng đã hoàn thành nhiệm vụ hoặc đã được điều trị hồi phục. Đối với trường hợp quy định tại Khoản 10.1 Điều này có thời gian bảo lưu từ 03 năm trở lên, cơ sở đào tạo xem xét giới thiệu vào các trường, lớp dự bị đại học để ôn tập trước khi vào học chính thức.

Điều 11. Thông tin Tuyển sinh (trước năm 2025 gọi là Thông tin tuyển sinh)

Thực hiện theo Điều 11 Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT và Thông tư số 06/2025/TT-BGDĐT.

11.1. Nhà trường xây dựng, công bố và thực hiện Thông tin tuyển sinh để thực hiện trách nhiệm giải trình và cam kết đối với thí sinh, cơ quan quản lý nhà nước và xã hội. Thông tin tuyển sinh phải chứa đầy đủ thông tin làm căn cứ để:

- (1) Thí sinh lựa chọn trường, ngành, chương trình đào tạo, phương thức tuyển sinh phù hợp với năng lực, sở thích và điều kiện cá nhân; chuẩn bị các điều kiện tham gia dự tuyển và thực hiện các bước theo kế hoạch tuyển sinh của trường;
- (2) Cơ quan quản lý nhà nước và xã hội giám sát việc thực hiện quy định của pháp luật và các cam kết đối với người học của trường trong công tác tuyển sinh và đào tạo.

11.2. Nội dung chủ yếu của Thông tin tuyển sinh bao gồm: (Xem chi tiết Phụ lục 01 của Quy chế)

- (1) Thông tin giới thiệu về trường, các ngành và chương trình đào tạo, gồm cả thông tin về quyết định mở ngành, ngôn ngữ đào tạo, đội ngũ giảng viên, điều kiện học tập và nghiên cứu, văn bằng tốt nghiệp, kết quả kiểm định chất lượng, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp (trên tổng số nhập học) và tỷ lệ có việc làm phù hợp trình độ chuyên môn của sinh viên tốt nghiệp.
- (2) Thông tin đầy đủ về chi phí đào tạo, mức thu học phí, mức thu dịch vụ tuyển sinh và khoản thu dịch vụ khác cho lộ trình cả khóa học, từng năm học; chính sách học bổng, miễn giảm học phí, hỗ trợ tài chính, chỗ ở ký túc xá và các chính sách ưu đãi, hỗ trợ khác dành cho người học;
- (3) Kế hoạch tuyển sinh và phạm vi tuyển sinh các đợt trong năm (trong đó đợt 1 tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành giáo dục Mầm non chính quy phù hợp với kế hoạch chung do Bộ GDĐT ban hành), gồm cả quy định về đối tượng và điều kiện tuyển sinh, phương thức tuyển sinh, tổ hợp xét tuyển và chỉ tiêu tuyển sinh đối với các chương trình, ngành, nhóm

ngành đào tạo; quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển của các phương thức, tổ hợp xét tuyển; phương thức và tiêu chí phân ngành của cơ sở đào tạo đối với trường hợp xét tuyển theo nhóm ngành; quy trình, thủ tục đăng ký dự tuyển và các thông tin cần thiết khác cho thí sinh;

- (4) Các phương án xử lý rủi ro khi triển khai công tác tuyển sinh và cam kết trách nhiệm của trường.

11.3. Nhà trường thông báo tuyển sinh kèm theo công bố thông tin tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của trường và qua các hình thức thích hợp khác trước khi mở đăng ký dự tuyển của đợt tuyển sinh đầu tiên ít nhất 30 ngày; trường hợp điều chỉnh, bổ sung (nếu có) trước ít nhất 15 ngày. Riêng đối với quy tắc quy đổi tương đương, thời gian công bố muộn nhất cùng thời gian công bố ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào.

Điều 12. Tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng tuyển sinh trường

12.1. Hiệu trưởng nhà trường ra quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh (HĐTS) để điều hành các công việc liên quan đến công tác tuyển sinh, thanh tra tuyển sinh, quy định tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của các Ban chuyên môn theo quy định tại Điều 14 quy chế này.

12.2. Thành phần của HĐTS trường:

- (1) Thành phần của HĐTS của trường gồm có:
- (a) Chủ tịch: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng;
 - (b) Phó Chủ tịch: Phó Hiệu trưởng;
 - (c) Ủy viên thường trực: Trưởng phòng hoặc Phó Trưởng phòng Đào tạo;
 - (d) Các Ủy viên: Một số trưởng hoặc phó trưởng phòng, trưởng hoặc phó trưởng khoa, trưởng hoặc phó bộ môn liên quan đến thi tuyển sinh và cán bộ công nghệ thông tin;
- (2) Những người có người thân (con, vợ, chồng, bố, mẹ, anh, chị, em ruột của mình và của vợ hoặc chồng) dự thi hay xét tuyển vào trường không được tham gia HĐTS của trường và các ban giúp việc HĐTS trường trong năm đó.

12.3. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐTS trường.

- (1) Tổ chức triển khai các phương án tuyển sinh đã lựa chọn;
- (2) Giải quyết thắc mắc và khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác tuyển sinh;
- (3) Thu hoặc ủy quyền thu và sử dụng lệ phí tuyển sinh, lệ phí xét tuyển;
- (4) Tổng kết công tác tuyển sinh; quyết định khen thưởng, kỷ luật theo quy định;
- (5) Báo cáo kịp thời kết quả công tác tuyển sinh cho Bộ GDĐT và cơ quan quản lý trực tiếp.

12.4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch HĐTS trường.

- (1) Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về công tác tuyển sinh của trường;
- (2) Báo cáo với Bộ GDĐT và các cơ quan có trách nhiệm về công tác tuyển sinh của trường;
- (3) Thành lập Ban Thư ký và các Ban chuyên môn để giúp việc cho HĐTS trường trong việc thực hiện công tác tuyển sinh; Trưởng Ban chuyên môn phải là thành viên Hội đồng tuyển sinh.

12.5. Phó Chủ tịch HĐTS trường thực hiện các nhiệm vụ được Chủ tịch HĐTS phân công và thay mặt Chủ tịch HĐTS giải quyết công việc khi Chủ tịch HĐTS ủy quyền.

Điều 13. Tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban thư ký HĐTS trường

13.1. Thành phần Ban Thư ký HĐTS trường gồm có:

- (1) Trưởng ban do ủy viên thường trực HĐTS trường kiêm nhiệm;
- (2) Các ủy viên: Một số cán bộ, chuyên viên Phòng Đào tạo, khoa, phòng liên quan và cán bộ công nghệ thông tin.

13.2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thư ký HĐTS đối với trường hợp sử dụng kết quả kỳ thi THPT để sơ tuyển, xét tuyển:

- (1) Cập nhật lên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT tất cả các thông tin của trường theo quy định để thực hiện xét tuyển;
- (2) Dự kiến phương án điểm trúng tuyển, trình HĐTS quyết định;
- (3) Lập danh sách thí sinh trúng tuyển;
- (4) Thông báo thí sinh trúng tuyển nhập học;
- (5) Kiểm tra hồ sơ của thí sinh trúng tuyển theo quy định;
- (6) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch HĐTS giao.

13.3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban thư ký HĐTS đối với trường hợp không sử dụng kết quả kỳ thi THPT để sơ tuyển, xét tuyển:

- (1) Công bố các thông tin liên quan đến điều kiện, hồ sơ, thời gian và địa điểm đăng ký dự thi, xét tuyển trên trang thông tin điện tử của trường và các phương tiện thông tin đại chúng khác;
- (2) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Khoản 13.2 Điều 13 này và các nhiệm vụ khác của Ban thư ký theo quy định tại Quy chế thi tuyển sinh của trường;
- (3) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch HĐTS giao.

13.4. Ban Thư ký HĐTS làm việc tại Văn phòng Tuyển sinh trường.

Điều 14. Tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của các Ban chuyên môn đối với trường tuyển sinh bằng phương thức thi tuyển hoặc thi tuyển kết hợp với xét tuyển

14.1. Các Ban chuyên môn đối với trường tuyển sinh bằng phương thức thi tuyển hoặc thi tuyển kết hợp với xét tuyển gồm: Ban Đề thi, Ban Coi thi, Ban làm phách, Ban Chấm thi, Ban Phúc khảo. Đối với Ban đề thi, Trưởng ban do lãnh đạo trường đảm trách, lãnh đạo đơn vị chuyên trách thực hiện chức năng, nhiệm vụ tổ chức thi là ủy viên thường trực.

14.2. Tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của các Ban chuyên môn đối với trường tuyển sinh bằng phương thức thi tuyển hoặc thi tuyển kết hợp với xét tuyển và Ban thư ký được quy định tại Quy chế thi tuyển sinh do hiệu trưởng ký ban hành.

Điều 15. Hội nghị Tổng kết công tác tuyển sinh

15.1. Cuối tháng 12 hàng năm, phòng Đào tạo chủ trì tổ chức hội nghị tổng kết công tác tuyển sinh của năm, lập bản dự thảo kế hoạch tuyển sinh và Thông tin tuyển sinh năm kế tiếp. Hội nghị có sự tham gia của lãnh đạo nhà trường và đại diện các đơn vị.

15.2. Các đơn vị chức năng được phân công làm công tác tuyển sinh phải báo cáo công việc đã thực hiện trong năm tuyển sinh, trình bày dự thảo kế hoạch và phương hướng công tác trong năm kế tiếp. Hội nghị tổ chức thảo luận và đóng góp ý kiến cho dự thảo Thông tin tuyển sinh.

15.3. Trên cơ sở quy chế tuyển sinh hiện hành, năng lực của nhà trường và những ý kiến thu thập được trong hội thảo. Phòng Đào tạo xây dựng dự thảo Thông tin tuyển sinh, lấy ý kiến của Hội đồng Tuyển sinh và trình Hiệu trưởng, Chủ tịch Hội đồng Tuyển sinh phê duyệt.

15.4. Đề án có thể được cập nhật hiệu chỉnh khi cần thiết nhằm đáp ứng kế hoạch tuyển sinh chung, tình hình tuyển sinh của nhà trường và thực hiện theo Quy chế tuyển sinh hiện hành. Việc điều chỉnh, bổ sung Thông tin tuyển sinh không được gây bất lợi cho thí sinh hoặc làm giảm đi cơ hội tiếp cận việc tuyển sinh thuận lợi và công bằng cho những thí sinh dự tuyển.

Chương 2. TỔ CHỨC THI TUYỂN SINH

Điều 16. Nhà trường tổ chức thi

Thực hiện theo Điều 12 Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT và Thông tư số 06/2025/TT-BGDĐT.

16.1. Các kỳ thi phục vụ xét tuyển do nhà trường tự tổ chức, hoặc do một nhóm trường hợp tác tổ chức và giao một trường chủ trì.

16.2. Khi tổ chức thi, nhà trường phải bảo đảm đủ năng lực về đội ngũ, cơ sở vật chất và các điều kiện khác để tổ chức kỳ thi khách quan, nghiêm túc, chuyên nghiệp, an toàn, thuận tiện và hiệu quả; cụ thể như sau:

- (1) Phải có bộ phận chuyên trách công tác khảo thí đủ năng lực quản lý và tổ chức thực hiện toàn bộ quy trình của công tác thi;
- (2) Đội ngũ cán bộ tham gia công tác tổ chức thi phải đủ số lượng, có phẩm chất đạo đức tốt và năng lực chuyên môn phù hợp để bảo đảm thực hiện tốt các nhiệm vụ trong từng quy trình của công tác thi;
- (3) Các quy trình và phân công trách nhiệm các bộ phận tham gia phải đầy đủ, rõ ràng và hiệu quả, bảo đảm tính độc lập, khách quan giữa các khâu và các bộ phận; có biện pháp hiệu quả chống gian lận và lạm dụng;
- (4) Cơ sở vật chất, trang thiết bị và phần mềm phải phù hợp với quy mô và hình thức tổ chức thi, đáp ứng yêu cầu hỗ trợ hiệu quả cho thực hiện các quy trình trong công tác tổ chức thi, bao gồm cả yêu cầu về bảo mật, an toàn, an ninh, chống gian lận trong kỳ thi;
- (5) Trường hợp tổ chức thi trực tuyến phải thực hiện đầy đủ biện pháp để bảo đảm kết quả đánh giá tin cậy và công bằng như đối với hình thức thi trực tiếp, đồng thời toàn bộ diễn biến của buổi thi được ghi hình, ghi âm và lưu trữ.

16.3. Để tổ chức thi, nhà trường phải xây dựng quy chế thi và đề án tổ chức thi (có thể tích hợp trong Thông tin tuyển sinh), công bố trên trang thông tin điện tử của trường đồng thời gửi về cơ quan quản lý trực tiếp và Bộ GDĐT để báo cáo ít nhất 30 ngày trước khi thí sinh bắt đầu đăng ký dự thi.

16.4. Khi tổ chức thi, nhà trường chịu trách nhiệm trước pháp luật về toàn bộ công tác trước, trong và sau kỳ thi, bao gồm cả trách nhiệm giải trình trước cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về chất lượng đề thi, quy chế thi, đề án tổ chức thi, việc triển khai đề án tổ chức thi, và công bố phổ điểm chi tiết làm căn cứ cho việc xác định quy tắc quy đổi tương đương với kết quả thi tốt nghiệp THPT.

Điều 17. Đề thi

Thực hiện theo Điều 13 Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT và Thông tư số 06/2025/TT-BGDĐT.

17.1. Đề thi phải được xây dựng theo đề cương. Đề cương đề thi (bao gồm cấu trúc và dạng thức đề thi, phạm vi và tiêu chí đánh giá) phải thể hiện được yêu cầu về kiến thức nền tảng và năng lực cốt lõi mà thí sinh cần có để học tập thành công ở trình độ đào tạo. Đề cương đề thi phải được công bố cho thí sinh ít nhất 30 ngày trước ngày thi.

17.2. Cấu trúc đề thi đối với kỳ thi tuyển sinh hoặc kỳ thi độc lập phải chứa thành phần của nội dung môn toán hoặc môn ngữ văn cùng với ít nhất hai môn học khác trong chương trình cấp THPT

phù hợp với yêu cầu của nhóm ngành, ngành đào tạo; các nội dung đưa vào đề thi phải phù hợp với những quy định của pháp luật về giáo dục và văn hóa.

17.3. Phạm vi đánh giá của đề thi đối với kỳ thi tuyển sinh hoặc kỳ thi độc lập bám sát và không vượt quá phạm vi kiến thức chương trình THPT hiện hành; riêng phạm vi đánh giá của kỳ thi bổ trợ dựa trên yêu cầu về tài năng, năng khiếu hoặc phẩm chất đặc biệt của chương trình, ngành, nhóm ngành đào tạo. Tiêu chí đánh giá phải dựa trên các cấp độ năng lực, tư duy; phân loại được năng lực của thí sinh, đáp ứng mức độ phù hợp của thí sinh đối với các chương trình, ngành, nhóm ngành đào tạo thuộc phạm vi tuyển sinh.

17.4. Đề thi được xây dựng dựa trên trích xuất ngẫu nhiên từ ngân hàng câu hỏi chuẩn hóa đủ lớn, hoặc được xây dựng mới theo quy trình bảo mật tuyệt đối. Trong trường hợp tổ chức nhiều đợt thi, hoặc một đợt thi có nhiều đề thi thì các đề thi phải bảo đảm tính tương đương. Câu hỏi thi phải được diễn đạt rõ ràng, không đa nghĩa.

17.5. Đề thi phải được một hội đồng ra đề thi chịu trách nhiệm xây dựng và phải được một hội đồng thẩm định đề thi chịu trách nhiệm thẩm định. Tổ chức và hoạt động của hội đồng ra đề thi và hội đồng thẩm định đề thi phải độc lập với nhau và độc lập với các nhóm xây dựng ngân hàng câu hỏi thi (nếu có).

Điều 18. Quy chế thi

Thực hiện theo Điều 14 Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT và Thông tư số 06/2025/TT-BGDĐT.

18.1. Quy chế thi phải được Hội đồng Khoa học và đào tạo của trường thông qua và được Hiệu trưởng ký ban hành, làm căn cứ để tổ chức thực hiện các công tác trước, trong và sau kỳ thi, tuân thủ những yêu cầu chung và nguyên tắc cơ bản quy định tại Điều 3, Điều 4 của quy chế này.

18.2. Nội dung của quy chế thi phải bao gồm những quy định về:

- (1) Phạm vi tuyển sinh, đối tượng và điều kiện dự thi;
- (2) Đề cương đề thi và hình thức thi;
- (3) Các quy trình tổ chức kỳ thi và nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức, cá nhân tham gia (chuẩn bị cho kỳ thi, tổ chức đăng ký dự thi, làm đề thi, coi thi, chấm thi...);
- (4) Các biện pháp bảo mật và chống gian lận trong kỳ thi;
- (5) Chế độ công khai, báo cáo và lưu trữ;
- (6) Công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý sự cố, xử lý vi phạm.

18.3. Quy chế thi phải được tập huấn cho tất cả những người tham gia công tác thi và phổ biến đầy đủ cho thí sinh dự thi.

Điều 19. Đề án tổ chức thi

Thực hiện theo Điều 15 Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT và Thông tư số 06/2025/TT-BGDĐT.

19.1. Đề án tổ chức thi do Hiệu trưởng ký ban hành, thể hiện trách nhiệm giải trình và những cam kết của nhà trường đối với cơ quan quản lý nhà nước, thí sinh và toàn xã hội về mục đích và các điều kiện bảo đảm chất lượng của kỳ thi; đáp ứng những yêu cầu chung và nguyên tắc cơ bản quy định tại Điều 3, Điều 4 của quy chế này.

19.2. Đề án tổ chức thi bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

- (1) Mục đích, tính chất của kỳ thi (kỳ thi tuyển sinh, kỳ thi độc lập hay kỳ thi bổ trợ);
- (2) Kế hoạch tổ chức thi và danh sách các cơ sở đào tạo hợp tác hoặc đã công bố sử dụng kết quả thi;

- (3) Thông tin và minh chứng cho việc đáp ứng đầy đủ năng lực tổ chức thi theo quy định tại Khoản 16.2 Điều 16 của quy chế này;
- (4) Nội dung quy chế thi (dưới dạng phụ lục hoặc đường dẫn tới tài liệu trên trang thông tin điện tử của trường);
- (5) Hướng dẫn cụ thể cho thí sinh thực hiện các quy trình đăng ký dự thi và tham gia thi, trong đó có quy định mức thu dịch vụ tổ chức thi.

19.3. Đề án tổ chức thi có thể được điều chỉnh, bổ sung trong quá trình triển khai, nhưng không được gây bất lợi cho thí sinh hoặc làm giảm đi cơ hội tiếp cận kỳ thi thuận lợi và công bằng cho những thí sinh dự tuyển.

Chương 3. XÉT TUYỂN ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

Điều 20. Xây dựng kế hoạch xét tuyển

Thực hiện theo Điều 16 Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT và Thông tư số 06/2025/TT-BGDĐT.

20.1. Bộ GDĐT ban hành kế hoạch chung cho công tác xét tuyển đợt 1 đào tạo chính quy để các cơ sở đào tạo phối hợp triển khai các quy trình:

- (1) Đăng ký xét tuyển trên Cổng Thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT (Cổng TTTS Bộ GDĐT) và trên Cổng Dịch vụ công quốc gia;
- (2) Tổ chức xét tuyển tại cơ sở đào tạo theo các phương thức sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT hoặc kết quả học tập cấp THPT hoặc kết quả thi, đánh giá thí sinh;
- (3) Xử lý nguyện vọng trên hệ thống (theo chu trình lập kết hợp với quy trình xét tuyển tại cơ sở đào tạo);
- (4) Xác nhận nhập học trên hệ thống và nhập học tại cơ sở đào tạo (tại trường).

20.2. Căn cứ kế hoạch chung, Phòng Đào tạo chủ trì xây dựng kế hoạch tuyển sinh, xét tuyển thẳng đối với một số phương thức tuyển sinh riêng và kế hoạch xét tuyển các đợt bổ sung (nếu có). Kế hoạch được Hiệu trưởng phê duyệt, ban hành và thông báo cho các bên liên quan.

Điều 21. Tổ chức đăng ký và xét tuyển thẳng

Thực hiện theo Điều 17 Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT và Thông tư số 06/2025/TT-BGDĐT và

21.1. Căn cứ đề án/thông tin tuyển sinh đã công bố, trường tổ chức cho thí sinh thuộc đối tượng được xét tuyển thẳng theo quy định tại Điều 8 của quy chế này đăng ký dự tuyển bằng hình thức trực tuyến hoặc trực tiếp tại Văn phòng tuyển sinh trường.

21.2. Trường chức xét tuyển thẳng cho những thí sinh đủ điều kiện, công bố và đưa danh sách thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển (trừ điều kiện tốt nghiệp THPT) lên hệ thống để xử lý nguyện vọng cùng với các phương thức xét tuyển khác theo kế hoạch chung, hoàn thành trước khi thí sinh đăng ký xét tuyển trên hệ thống.

21.3. Thí sinh đã trúng tuyển vào cơ sở đào tạo theo kế hoạch xét tuyển thẳng thực hiện đăng ký nguyện vọng trên hệ thống theo kế hoạch chung của Bộ GDĐT để lựa chọn chương trình, ngành, nhóm ngành đã trúng tuyển thẳng tại một cơ sở đào tạo hoặc đăng ký nguyện vọng xét tuyển khác.

21.4. Thí sinh trúng tuyển thẳng xác nhận nhập học theo kế hoạch chung; cơ sở đào tạo không được yêu cầu thí sinh cam kết nhập học hoặc xác nhận nhập học sớm hơn lịch trình theo kế hoạch chung.

Điều 22. Tổ chức đăng ký và xét tuyển sớm

Thực hiện theo Điều 18 Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT và Thông tư số 06/2025/TT-BGDĐT.

22.1. Trường có thể thực hiện kế hoạch xét tuyển sớm đối với một số phương thức tuyển sinh, tổ chức cho thí sinh đăng ký dự tuyển bằng hình thức trực tuyến, gửi hồ sơ xét tuyển qua đường bưu điện, hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tại trường. Thí sinh theo dõi thông báo tuyển sinh của trường tại website, mục Thông tin tuyển sinh đại học.

22.2. Trường tổ chức xét tuyển cho những thí sinh đăng ký xét tuyển sớm, công bố kết quả và tải danh sách thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển lên hệ thống để xử lý nguyện vọng theo kế hoạch chung:

- (1) Trường tổ chức xét tuyển cho những thí sinh đã hoàn thành thủ tục dự tuyển, nhưng không yêu cầu thí sinh xác nhận nhập học sớm hơn lịch trình theo kế hoạch chung. Nhà trường công bố kết quả xét tuyển sớm và tải danh sách thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển (trừ điều kiện tốt nghiệp THPT) lên hệ thống để xử lý nguyện vọng cùng với các phương thức xét tuyển khác theo kế hoạch chung, hoàn thành trước khi thí sinh đăng ký xét tuyển trên hệ thống (hay, còn gọi là Cổng TTTS Bộ GDĐT).
- (2) Nhà trường công bố kết quả xét tuyển sớm và thông báo cho thí sinh bằng giấy báo điện tử. Theo lịch hẹn đã được thông báo, thí sinh theo dõi kết quả đợt xét tuyển sớm bằng cách đăng nhập vào website trường, mục Thông tin tuyển sinh đại học, mục Tra cứu kết quả xét tuyển; tại đây, thí sinh có thể tra cứu kết quả xét tuyển, xem giấy báo trúng tuyển có điều kiện (nếu có), tải và in giấy báo kết quả (giấy báo điện tử). Giấy báo hướng dẫn và cung cấp thông tin để thí sinh thực hiện các bước tiếp theo của quy trình xét tuyển.
- (3) Ngoài việc tra cứu thông tin trên website, Văn phòng Tuyển sinh trường có thể liên hệ với thí sinh qua thư điện tử (email), hoặc tin nhắn điện thoại; vì vậy khi làm hồ sơ đăng ký xét tuyển, thí sinh phải cung cấp thông tin đầy đủ chính xác để trường liên hệ khi cần thiết.

22.3. Thí sinh đã dự tuyển vào trường theo kế hoạch xét tuyển sớm sau đó phải tiếp tục đăng ký nguyện vọng trên hệ thống theo kế hoạch chung của Bộ GDĐT.

- (1) Trường hợp thí sinh đã được nhà trường thông báo đủ điều kiện trúng tuyển (trừ điều kiện tốt nghiệp THPT) một nguyện vọng nhất định, thí sinh tự quyết định việc đặt thứ tự ưu tiên nguyện vọng khi đăng ký trên hệ thống (tùy thuộc thí sinh muốn được công nhận trúng tuyển nguyện vọng đó hay muốn mở rộng cơ hội trúng tuyển nguyện vọng khác).
- (2) Trường hợp không đủ điều kiện trúng tuyển vào một ngành đào tạo theo nguyện vọng, thí sinh vẫn có thể tiếp tục đăng ký ngành đào tạo đó theo phương thức tuyển sinh khác trên hệ thống.

Điều 23. Đăng ký xét tuyển trên hệ thống theo kế hoạch chung (đăng ký xét tuyển trên Cổng TTTS Bộ GDĐT, hoặc qua Cổng DV công QG)

Thực hiện theo Điều 19 Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT và Thông tư số 06/2025/TT-BGDĐT.

23.1. Bộ GDĐT hỗ trợ tổ chức đăng ký xét tuyển đợt 1 đào tạo chính quy cho tất cả phương thức tuyển sinh của các cơ sở đào tạo. Thời gian đăng ký bắt đầu sau kỳ thi tốt nghiệp THPT và kết thúc sau khi có kết quả thi và xét tốt nghiệp THPT.

23.2. Thí sinh dự tuyển đợt 1 đào tạo chính quy (bao gồm cả những thí sinh đã dự tuyển theo kế hoạch xét tuyển sớm của trường) thực hiện đăng ký xét tuyển trên hệ thống (qua Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia) theo kế hoạch chung và hướng dẫn của Bộ GDĐT.

23.3. Thí sinh được đăng ký nguyện vọng vào nhiều ngành, nhiều trường khác nhau không hạn chế số lượng, nhưng phải sắp xếp các nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp. Trong trường hợp nhiều nguyện vọng đủ điều kiện trúng tuyển, thí sinh chỉ được công nhận trúng tuyển và gọi nhập học theo nguyện vọng cao nhất.

23.4. Thí sinh thể hiện nguyện vọng của mình qua những lựa chọn trên hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung theo hướng dẫn của Bộ GDĐT như sau:

- (1) Thứ tự ưu tiên của nguyện vọng (số 1 thể hiện nguyện vọng cao nhất);
- (2) Lựa chọn cơ sở đào tạo, đơn vị tuyển sinh (mã trường);
- (3) Lựa chọn chương trình, ngành hoặc nhóm ngành đào tạo (mã xét tuyển).

Điều 24. Xét tuyển và xử lý nguyện vọng theo kế hoạch chung

Thực hiện theo Điều 20 Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT và Thông tư số 06/2025/TT-BGDĐT.

24.1. Trường tự chủ tổ chức xét tuyển theo các phương thức và tiêu chí xét tuyển riêng, hoặc tự nguyện phối hợp theo nhóm để tổ chức xét tuyển theo các phương thức và tiêu chí xét tuyển chung. Bộ GDĐT hướng dẫn lịch trình xét tuyển và hỗ trợ việc xử lý nguyện vọng trên hệ thống.

24.2. Sau khi kết thúc thời gian đăng ký nguyện vọng trên hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung, cơ sở đào tạo tải thông tin, dữ liệu từ hệ thống bao gồm: dữ liệu đăng ký nguyện vọng, kết quả học tập cấp THPT, kết quả kì thi tốt nghiệp THPT, điểm xét tốt nghiệp THPT, kết quả thi của các cơ sở đào tạo tổ chức thi trong năm tuyển sinh, dữ liệu về ưu tiên theo khu vực và đối tượng của những thí sinh dự tuyển để phục vụ xét tuyển.

24.3. Nguyên tắc xét tuyển

- (1) Điểm trúng tuyển được xác định để số lượng tuyển được theo từng ngành, chương trình đào tạo phù hợp với số lượng chỉ tiêu đã công bố, nhưng không thấp hơn ngưỡng đầu vào;
- (2) Đối với một chương trình, ngành, nhóm ngành đào tạo, tất cả thí sinh được xét chọn bình đẳng dựa trên điểm xét và điểm trúng tuyển quy đối tượng đương theo từng phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển, không phụ thuộc thứ tự ưu tiên của nguyện vọng đăng ký trừ trường hợp quy định tại Điểm 3 Khoản 24.3 này;
- (3) Trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét ở cuối danh sách, cơ sở đào tạo có thể sử dụng tiêu chí phụ là thứ tự nguyện vọng (để xét chọn thí sinh có thứ tự nguyện vọng cao hơn);
- (4) Việc sử dụng điểm ưu tiên khu vực, đối tượng để xét tuyển đảm bảo thống nhất, đồng bộ với quy định về điểm ưu tiên được quy định tại Điều 7 của quy chế này.

24.4. Sau mỗi chu kỳ xét tuyển, trường tải lên hệ thống danh sách thí sinh dự kiến đủ điều kiện trúng tuyển các ngành, chương trình đào tạo (theo các phương thức tuyển sinh). Hệ thống xử lý nguyện vọng sẽ tự động loại bỏ khỏi danh sách những nguyện vọng thấp của thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển nhiều nguyện vọng, trả lại danh sách thí sinh dự kiến trúng tuyển theo nguyện vọng cao nhất.

24.5. Căn cứ kết quả xử lý nguyện vọng, trường lập lại quy trình xét tuyển ở chu kỳ sau, điều chỉnh điểm trúng tuyển cho phù hợp với chỉ tiêu trong thời hạn quy định. Ở chu kỳ cuối, trường quyết định điểm trúng tuyển vào các ngành, chương trình đào tạo (theo các phương thức tuyển sinh) và tải lên hệ thống danh sách (chính thức) thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển. Trên cơ sở kết quả xử lý nguyện vọng cuối cùng, trường quyết định danh sách thí sinh trúng tuyển vào các ngành, chương trình đào tạo.

24.6. Trường công bố điểm trúng tuyển (và các điều kiện, tiêu chí phụ nếu có) vào các ngành, chương trình đào tạo theo các phương thức tuyển sinh; tổ chức cho thí sinh tra cứu kết quả xét tuyển của cá nhân trên trang thông tin điện tử của trường (hoặc của nhóm trường phối hợp xét tuyển).

Điều 25. Thông báo kết quả và xác nhận nhập học

Thực hiện theo Điều 21 Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT và Thông tư số 06/2025/TT-BGDĐT.

25.1. Trường gửi giấy báo trúng tuyển cho những thí sinh trúng tuyển, trong đó ghi rõ những thủ tục cần thiết đối với thí sinh khi nhập học và phương thức nhập học của thí sinh.

- (1) Đề thông báo kết quả xét tuyển, gửi giấy báo trúng tuyển cho thí sinh, Văn phòng Tuyển sinh có thể sử dụng các cách sau để liên lạc với thí sinh:
 - (a) Thông báo bằng tin nhắn điện thoại, gửi đường link tra cứu kết quả xét tuyển, xem, tải và in giấy báo trúng tuyển điện tử;
 - (b) Gửi thư điện tử (email) cho thí sinh kết quả xét tuyển, gửi đường link tra cứu kết quả xét tuyển, xem, tải và in giấy báo trúng tuyển điện tử;
 - (c) Gửi giấy báo trúng tuyển (bản in) qua đường bưu điện: Cách này không được ưu tiên vì thời gian gửi thư báo lâu, địa chỉ ghi không rõ ràng dễ dẫn đến thất lạc thư báo làm chậm trễ việc nhập học, xét tuyển khác (nếu có) của thí sinh;
 - (d) Hoặc, gọi điện thoại trực tiếp cho thí sinh: Cách này không ưu tiên vì số lượng thí sinh nhiều dẫn đến không hiệu quả. Văn phòng Tuyển sinh chỉ sử dụng cách này cho các trường hợp đặc biệt cần thiết.
- (2) Thí sinh xem kết quả xét tuyển bằng cách đăng nhập vào website trường, mục Thông tin tuyển sinh đại học, mục Tra cứu kết quả xét tuyển; tại đây, thí sinh có thể tra cứu kết quả xét tuyển, xem giấy báo trúng tuyển (nếu có), tải và in giấy báo kết quả (giấy báo điện tử).

25.2. Thí sinh xác nhận nhập học bằng hình thức trực tuyến trên hệ thống (Cổng TTTS Bộ GDĐT), trước khi nhập học tại trường.

25.3. Đối với những thí sinh không xác nhận nhập học trong thời hạn quy định:

- (1) Nếu không có lý do chính đáng thì coi như thí sinh từ chối nhập học và nhà trường có quyền không tiếp nhận;
- (2) Nếu do ốm đau, tai nạn, có giấy xác nhận của bệnh viện quận, huyện trở lên hoặc do thiên tai có xác nhận của UBND quận, huyện trở lên, nhà trường xem xét quyết định tiếp nhận thí sinh vào học hoặc bảo lưu kết quả tuyển sinh để thí sinh vào học sau;
- (3) Nếu do sai sót, nhầm lẫn của cán bộ thực hiện công tác tuyển sinh hoặc cá nhân thí sinh gây ra, trường chủ động phối hợp với các cá nhân, tổ chức liên quan xem xét các minh chứng và quyết định việc tiếp nhận thí sinh vào học hoặc bảo lưu kết quả tuyển sinh để thí sinh vào học sau.

25.4. Thí sinh đã xác nhận nhập học tại trường không được tham gia xét tuyển ở nơi khác hoặc ở các đợt xét tuyển bổ sung, trừ trường hợp được nhà trường cho phép.

Điều 26. Tổ chức đăng ký và xét tuyển các đợt bổ sung

Thực hiện theo Điều 22 Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT và Thông tư số 06/2025/TT-BGDĐT.

26.1. Căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh và số thí sinh trúng tuyển đã xác nhận nhập học vào các ngành, chương trình đào tạo, Hội đồng Tuyển sinh của trường xem xét, quyết định xét tuyển các đợt bổ sung. Trường công bố kế hoạch xét tuyển, phương thức xét tuyển và hình thức đăng ký xét tuyển các đợt bổ sung; điều kiện xét tuyển đối với các ngành, chương trình đào tạo theo từng phương thức xét tuyển nhưng không thấp hơn điều kiện trúng tuyển đợt trước.

26.2. Thí sinh chưa trúng tuyển hoặc đã trúng tuyển nhưng chưa xác nhận nhập học vào bất cứ nơi nào có thể đăng ký xét tuyển các đợt bổ sung theo kế hoạch và hướng dẫn của trường.

26.3. Kết thúc mỗi đợt xét tuyển, trường công bố trên trang thông tin điện tử điểm trúng tuyển (và các điều kiện, tiêu chí phụ nếu có) vào các ngành, chương trình đào tạo theo các phương thức tuyển sinh; tổ chức cho thí sinh tra cứu kết quả xét tuyển của cá nhân; gửi giấy báo trúng tuyển và hướng dẫn cho thí sinh trúng tuyển nhập học.

Điều 27. Trách nhiệm của các bên liên quan trong công tác xét tuyển

Thực hiện theo Điều 23 Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT và Thông tư số 06/2025/TT-BGDĐT.

27.1. Trách nhiệm của thí sinh

- (1) Tìm hiểu kỹ thông tin tuyển sinh của nhà trường, không đăng ký nguyện vọng vào những ngành, chương trình đào tạo hay phương thức tuyển sinh mà không đủ điều kiện;
- (2) Cung cấp đầy đủ và bảo đảm tính chính xác của tất cả thông tin đăng ký dự tuyển, bao gồm cả thông tin cá nhân, thông tin khu vực và đối tượng ưu tiên (nếu có), nguyện vọng đăng ký; tính xác thực của các giấy tờ minh chứng;
- (3) Đồng ý để trường mà mình dự tuyển được quyền sử dụng thông tin, dữ liệu cần thiết phục vụ cho công tác xét tuyển;
- (4) Hoàn thành thanh toán lệ phí tuyển sinh trước khi kết thúc thủ tục đăng ký dự tuyển.

27.2. Trách nhiệm của các trường THPT và các đơn vị khác được phân công đối với thí sinh thuộc phạm vi phụ trách

- (1) Tổ chức rà soát, kiểm tra và bổ sung, cập nhật thông tin cá nhân, dữ liệu kết quả học tập cấp THPT của thí sinh trên hệ thống cơ sở dữ liệu ngành;
- (2) Kiểm tra dữ liệu, hướng dẫn thí sinh khai đúng thông tin, bao gồm cả thông tin khu vực và đối tượng ưu tiên;
- (3) Hỗ trợ việc đăng ký nguyện vọng cho những thí sinh không có điều kiện đăng ký trực tuyến;
- (4) Hỗ trợ các cơ sở đào tạo có tuyển sinh theo kế hoạch riêng trong việc xác nhận kết quả học tập cấp THPT cho những thí sinh dự tuyển.

27.3. Trách nhiệm của các cơ sở đào tạo và của trường

- (1) Cung cấp đầy đủ, đúng định dạng và bảo đảm tính xác thực của thông tin, dữ liệu tuyển sinh lên hệ thống theo hướng dẫn của Bộ GDĐT;
- (2) Quy định (hoặc thống nhất với các cơ sở đào tạo khác) về mức thu, phương thức thu và sử dụng lệ phí dịch vụ tuyển sinh;
- (3) Cung cấp đầy đủ thông tin, tư vấn và hướng dẫn thí sinh, không để thí sinh đăng ký dự tuyển vào một chương trình, ngành, nhóm ngành đào tạo mà không đủ điều kiện; chịu trách nhiệm và chủ động giải quyết việc thí sinh được chuyển đến cơ sở đào tạo hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh;
- (4) Bảo đảm quy trình xét tuyển chính xác, công bằng, khách quan; thực hiện các cam kết theo Thông tin tuyển sinh đã công bố;
- (5) Kiểm tra thông tin và hồ sơ minh chứng khi thí sinh nhập học, bảo đảm tất cả thí sinh nhập học phải đủ điều kiện trúng tuyển;
- (6) Giải quyết đơn thư phản ánh, khiếu nại, tố cáo liên quan tới công tác xét tuyển của cơ sở đào tạo theo quy định của pháp luật.

27.4. Trách nhiệm của đơn vị được giao quản lý, vận hành hệ thống

- (1) Quản lý cơ sở dữ liệu xét tuyển chung toàn quốc, kết nối đồng bộ với cơ sở dữ liệu ngành;
- (2) Xây dựng, duy trì và vận hành Cổng thông tin tuyển sinh để hỗ trợ thí sinh và các cơ sở đào tạo trong công tác tuyển sinh;
- (3) Kết nối Cổng Thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT với Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Chương 4. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

Điều 28. Tuyển sinh đào tạo liên thông trình độ đại học

28.1. Tuyển sinh đào tạo liên thông từ trình độ cao đẳng lên trình độ đại học thực hiện theo quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ; riêng ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào được nhà trường quy định và thông báo trong Thông tin tuyển sinh của trường.

28.2. Đối tượng tuyển sinh:

- (1) Đối với người đã có bằng tốt nghiệp trình độ cao đẳng: Thực hiện theo Điều 5 của quy chế này.
- (2) Đối với người đã có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên thực hiện theo phương thức tuyển sinh ghi tại Khoản 28.3 Điều 28 của quy chế này. Các nội dung khác do trường quy định, thông tin rõ trong Thông tin tuyển sinh, tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm giải trình.

28.3. Phương thức tuyển sinh gồm: Thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp giữa thi tuyển và xét tuyển. Nếu sử dụng phương thức thi tuyển thì thực hiện theo quy định sau:

- (1) Quy định rõ bài thi/môn thi; ban hành quy chế thi tuyển sinh của trường, sau khi có ý kiến bằng văn bản của Hội đồng Khoa học và Đào tạo; công bố công khai trên trang thông tin điện tử của trường và gửi về Bộ GDĐT để phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra;
- (2) Nội dung quy chế thi tuyển sinh của trường bao gồm: Quy trình tổ chức và các quy định về chuẩn bị cho kỳ thi; tổ chức đăng ký dự thi; công tác đề thi; coi thi; chấm thi; phúc khảo; chấm thẩm định; chế độ báo cáo và lưu trữ; thanh tra; xử lý các sự cố bất thường và xử lý vi phạm;

28.4. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do trường quy định và chịu trách nhiệm giải trình.

Chương 5. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 29. Trách nhiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện theo Điều 24 Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT và Thông tư số 06/2025/TT-BGDĐT.

Trách nhiệm của Bộ GDĐT được quy định tại Điều 24 Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT và Thông tư số 06/2025/TT-BGDĐT. Cụ thể như sau:

29.1. Ban hành các văn bản hướng dẫn về công tác tuyển sinh đối với các cơ sở đào tạo;

29.2. Đối với tuyển sinh đào tạo đại học chính quy: Ban hành kế hoạch chung cho tuyển sinh đợt 1 đào tạo chính quy; ban hành các văn bản hướng dẫn về công tác tuyển sinh đối với các cơ sở đào tạo; và thành lập Ban chỉ đạo tuyển sinh để chỉ đạo các cơ sở đào tạo trong công tác tuyển sinh đảm bảo đúng quy định của quy chế này.

29.3. Quyết định việc tuyển sinh không áp dụng một số điều, khoản theo quy chế này trong điều kiện thiên tai, dịch bệnh và trường hợp bất khả kháng khác nhưng không được trái quy định của pháp luật.

29.4. Chỉ đạo tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện quy chế này và quy định của pháp luật theo phân cấp của Chính phủ.

Điều 30. Trách nhiệm của Sở Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện theo Điều 25 Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT và Thông tư số 06/2025/TT-BGDĐT.

Trách nhiệm của Sở GDĐT được quy định tại Điều 25 Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT và Thông tư số 06/2025/TT-BGDĐT. Cụ thể như sau:

30.1. Đối với tuyển sinh đào tạo đại học, Sở GDĐT phân công và chỉ đạo các trường phổ thông, các đơn vị khác thuộc phạm vi quản lý:

- (1) Tổ chức rà soát và hướng dẫn học sinh lớp 12 hoàn thiện các thông tin, dữ liệu cá nhân trong cơ sở dữ liệu ngành (bao gồm cả mã định danh và kết quả học tập các kỳ học cấp THPT);
 - (2) Tổ chức rà soát sửa đổi, bổ sung cơ sở dữ liệu khu vực ưu tiên cho các trường THPT và tương đương tại địa phương theo quy định; chuẩn bị đủ cơ sở vật chất, thiết bị hỗ trợ thí sinh đăng ký nguyện vọng trực tuyến;
 - (3) Thực hiện đầy đủ trách nhiệm quy định tại Khoản 27.2 Điều 27 quy chế này.
- 30.2. Chỉ đạo tổ chức thanh tra, kiểm tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong việc thực hiện quy chế này và quy định của pháp luật theo chức năng nhiệm vụ.

Điều 31. Trách nhiệm của nhà trường

Thực hiện theo Điều 26 Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT và Thông tư số 06/2025/TT-BGDĐT.

31.1. Xây dựng quy chế tuyển sinh để cụ thể hóa những quy định của quy chế này cho các hình thức đào tạo, công khai trên trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo. Hiệu chỉnh và cập nhật quy chế tuyển sinh theo quy định hiện hành.

31.2. Tổ chức tuyển sinh theo đề án và quy chế tuyển sinh đã ban hành, tuân thủ các quy định của quy chế này và các quy định pháp luật hiện hành; thực hiện trách nhiệm giải trình với Bộ GDĐT, các cơ quan có thẩm quyền và xã hội về toàn bộ công tác tuyển sinh của trường.

31.3. Tổ chức thanh tra, kiểm tra nội bộ, chủ động giải quyết các rủi ro đã đưa ra trong Thông tin tuyển sinh của cơ sở đào tạo; giải quyết đơn thư phản ánh, khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm liên quan tới công tác tuyển sinh của cơ sở đào tạo theo quy định của quy chế này và quy định của pháp luật có liên quan.

31.4. Chậm nhất ngày 31 tháng 12 hằng năm, nhà trường phải hoàn thành cập nhật dữ liệu thực tuyển của tất cả các hình thức bao gồm: thông tin thí sinh; thông tin xét tuyển của thí sinh; kết quả xét tuyển của thí sinh; thông tin về ngành tuyển sinh; thông tin về phương thức tuyển sinh đã thông báo tuyển sinh trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GDĐT

31.5. Bảo quản, lưu trữ các tài liệu liên quan đến tuyển sinh trong suốt khóa đào tạo theo quy định của Luật Lưu trữ và các quy định về thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành giáo dục. Đối với cơ sở đào tạo tổ chức thi còn phải bảo quản danh sách phòng thi, bài thi của thí sinh, hồ sơ và kết quả chấm thi theo thời hạn quy định tại Quy chế thi tốt nghiệp THPT của Bộ GDĐT.

Điều 32. Khen thưởng

Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng:

- 32.1. Những người hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.
- 32.2. Những người có nhiều thành tích đóng góp cho công tác tuyển sinh.

Điều 33. Xử lý vi phạm

Thực hiện theo Điều 27 Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT và Thông tư số 06/2025/TT-BGDĐT.

33.1. Cán bộ và thí sinh có hành vi vi phạm trong quá trình tổ chức thi được xử lý theo quy định tại Quy chế thi tốt nghiệp THPT của Bộ GDĐT.

33.2. Thí sinh có hành vi gian lận trong quá trình đăng ký dự tuyển, dự thi để được trúng tuyển; tùy theo mức độ có thể bị buộc thôi học, cấm dự tuyển vào các cơ sở đào tạo trong những năm tiếp theo hoặc bị xử lý hình sự theo quy định của pháp luật.

33.3. Người có hành vi vi phạm quy chế này là công chức, viên chức, tùy theo mức độ sẽ bị cơ quan quản lý cán bộ xử lý theo quy định tại Điều 71 của Luật Giáo dục đại học; Luật Viên chức, Luật Cán bộ, công chức và các văn bản quy định về xử lý kỷ luật viên chức, công chức.

33.4. Người có hành vi vi phạm quy chế này là cán bộ, giảng viên, giáo viên, nhân viên cơ hữu của trường không phải là công chức, viên chức thì hiệu trưởng nhà trường có trách nhiệm xử lý theo quy định của Bộ Luật lao động và các văn bản pháp luật có liên quan.

33.5. Trường vi phạm về công tác tuyển sinh tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị áp dụng xử lý theo quy định pháp luật hiện hành. Hiệu trưởng, chủ tịch hội đồng tuyển sinh và những cá nhân có liên quan của trường vi phạm cũng bị xử lý theo quy định pháp luật có liên quan.

33.6. Các trường hợp vi phạm về tuyển sinh tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị áp dụng xử lý theo quy định hiện hành.

 **HIỆU TRƯỞNG**
PGS. TS. Cao Hào Thi